

TỪ MƯỢN VÀ SỰ ĐỒNG HÓA CÁC YẾU TỐ TỪ VỰNG TIẾNG PHÁP TRONG HỆ THỐNG TỪ VỰNG ÂM THỰC TIẾNG VIỆT

Đặng Quang Huy¹, Nguyễn Thị Thủy
Khoa Ngoại ngữ - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Thực tế đã chứng minh tầm quan trọng của từ mượn trong bất kỳ hệ thống ngôn ngữ nào trên thế giới. Việc vay mượn từ ngữ từ những ngôn ngữ khác nhau góp phần làm giàu vốn từ ngữ đã có và đáp ứng nhu cầu giao tiếp của con người. Bài báo đề cập đến hiện tượng ngôn ngữ thu vị này với một khía cạnh cụ thể: Nghiên cứu về từ mượn và sự đồng hóa các yếu tố từ vựng tiếng Pháp trong hệ thống từ vựng âm thực tiếng Việt.

Từ khóa: Từ mượn, âm thực, đồng hóa, từ vựng, tiếng Pháp.

MỞ ĐẦU

Chúng ta luôn nhận thấy một thực tế rằng trong suốt lịch sử hình thành và phát triển, một ngôn ngữ không thể đáp ứng hoàn toàn nhu cầu giao tiếp của người sử dụng mà không cần vay mượn thêm vốn từ từ bên ngoài. Không có gì bình thường hơn việc một hệ thống ngôn ngữ tự làm giàu bằng cách chất lọc và bổ sung những yếu tố ngôn ngữ ngoại lai. Tiếng Việt là một ví dụ điển hình khi có tỷ lệ từ mượn nhất định trong hệ thống. Nước Việt Nam với lịch sử hàng ngàn năm đã trải qua những thời gian dài bị xâm lược, trong đó có hơn 1000 năm dưới ách đô hộ của các triều đại phương Bắc. Trong thời kỳ này, văn hóa Trung Hoa ảnh hưởng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, hệ quả là, hệ thống từ vựng tiếng Việt ghi nhận tỷ lệ rất lớn từ ngữ gốc Hán (Hán Việt). Cụ thể, theo các nhà nghiên cứu, với riêng phong cách chính luận, khoa học, từ Hán Việt chiếm trên dưới 70% vốn từ trong kho từ vựng Việt Nam [6]; theo học giả Lê Nguyễn Lưu, tỷ lệ này là trên 80% [4].

Tiếng Pháp du nhập vào Việt Nam cũng với con đường của tiếng Hán. Trong gần 100 năm đô hộ (1858-1954), kinh tế và văn hóa Pháp có những ảnh hưởng mạnh mẽ lên đất nước này, đặc biệt là với việc xây dựng trường học và đưa tiếng Pháp vào hệ thống giáo dục quốc dân. Từ quá trình đó, từ vựng tiếng Pháp được du nhập và đồng hóa trong hệ thống

ngôn ngữ Việt ở mọi lĩnh vực. Ngày nay, từ gốc Pháp đóng vai trò quan trọng chỉ sau từ Hán Việt.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đề cập đến từ mượn - một hiện tượng ngôn ngữ hết sức thu vị - trên phương diện tìm hiểu bản chất và phân loại với một trường hợp cụ thể: Từ mượn và sự đồng hóa các yếu tố từ vựng Pháp ngữ trong hệ thống từ vựng âm thực tiếng Việt.

SỰ DU NHẬP VÀ HÌNH THÀNH HỆ THỐNG TỪ MƯỢN TIẾNG PHÁP TRONG HỆ THỐNG NGÔN NGỮ TIẾNG VIỆT

Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển của ngôn ngữ, trong đó những điều kiện về lịch sử - xã hội được coi là đóng vai trò quan trọng nhất. Tiếng Pháp đánh dấu sự có mặt tại Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XIX. Năm 1858, thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, rồi nhanh chóng áp đặt quyền lực với việc ký kết Hòa ước Patenôtre ngày 6 tháng 6 năm 1881 với triều đình nhà Nguyễn, chính thức đặt Việt Nam dưới sự bảo hộ của mình. Kể từ thời điểm đó, thực dân Pháp bắt đầu công cuộc khai thác thuộc địa với việc đẩy mạnh khai thác công nghiệp, phát triển xây dựng, giao thông và giáo dục Pháp ngữ.... Công cuộc khai thác thuộc địa đã thay đổi nhanh chóng bộ mặt của Việt Nam từ một nước quân chủ tập quyền phương Đông thành một xã hội nửa tư bản kiểu phương Tây. Người Việt Nam bắt đầu làm quen với những khái

¹ Tel: 0913 954474, Email: huydang.sfl@tnu.edu.vn

niệm mới như cà phê (café), vang (vin), sô cô la (chocolat), bê tông (béton), cao su (caoutchouc), công-ta (contrat), (gendarme)...
- vốn chưa từng xuất hiện trước đó.

Dần dần, văn hóa và ngôn ngữ Pháp len lỏi vào tất cả các lĩnh vực của đời sống người Việt. Cùng với đó, từ gốc Pháp trong suốt quá trình đồng hóa đã trở thành một phần quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ Việt và được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực:

- **Công nghiệp:** ba-lông (ballon), mỏn (mine), kíp (équipe), cao su/cao xu (caoutchouc), xi măng (ciment), a miăng (amiante), cô-ban (cobalte), cờ-lê mô-lét (clef à molette), đi-ê-zen (diesel), gioăng (joint)...

- **Ẩm thực:** bơ (beurre), phô mai/phô mát/phô mai/phô mách (fromage), đâm bông/ram bông (jambon), ba tê (pâté), la gu/la giừ/ra gu (ragoût), xúc xích (saucisse), ốp lét/ôm lét/ôm lét/ô-mơ-lét/ô-mơ-lét (omelette), [trứng] la cóc/la cót/la cóc ([œuf à] la coque), mù tạt/mù tạt (moutarde), sốt/xốt (sauce), bít qui/bích qui/qui (biscuit), súp/xúp (soupe), cà phê (café), vang (vin), sâm banh (champagne), cô nhấc/cô nhấc/côt nhấc (cognac)...

- **Thời trang:** ca-vát/cà vạt/ca-ra-vát (cravate), cốc sê/cốc xê/coóc-xê/coóc xê/coóc sê (corset), đăng ten (dentelle), pô-sét (pochette), vét/véc (veste), vét-tông (veston), voan (voile), măng tồ (manteau), mùi soa/mùi xoa (mouchoir), san (châle), [giày] giôn/dôn ([soulier] jaune)...

- **Tài chính, ngân hàng:** băng/nhà băng (banque), via-rơ-măng (virement), công của rãng (compte courant), séc (chèque), công-ta (contrat)...

- **Bưu chính:** măng-đa (mandat-poste), tem (timbre), tê-lê-phôn/phôn (téléphone), ô gam (aérogamme)...

- **An ninh công cộng:** phủ lít/bu lít/pu lít (police), cách số/ca số (cachot), đê bô (dépôt), lập giồng (la prison), a-dăng/a-giăng/lạc dang (agent), xá lim/xá linh/xen luy (cellule), anh-đi-ca-tơ/i-cai-tơ/canh-tơ (l'indicateur), cò/cảm (commissaire), lập bô (rapport), rừ sẹc/rờ sẹt (recherche), ba tui/ba trai (patrouille), sen đâm (gendarme), tít đi đông đi tây (titre d'indentité)...

- **Hành chính:** mua rô/bu rô/buy rô (bureau), bờ lãng tông/lon ton/long tông (planton)...

- **Y tế:** đóc/đóc tờ/đõe tờ/đóc tử (docteur), phạm nhê/phạm nhê/anh phi mê/chiếc mê/phiếc mê (infirmier), xơ ranh/sơ ranh/xi ranh/xi lanh (seringue), ba-luy-đít (paludisme), băng ca (brancard), cồn/an cồn (alcool), kí nỉn (quinine), ma lách/ma lát (malade)...

- **Giáo dục:** ba rem (barème), cò-le (collège), công của (concours), công xính/công-sính (consigne), xếp phi ca/phi ca/xếp tỉ phi ca/xếp ca (certificat), đíp lôm/đít lôm (diplôme), ri me (primaire), cốp/cốp/cốp pi/cốp đê/cốp đê (copier)...

- **Giao thông:** la ga/ga (gare), sếp ga/xếp ga (chef de gare), sếp tanh/sếp tanh (chef de train), ray/rây (rail), đê bô (dépôt), tà vẹt/ tà vẹt (traverse) tăng bó (transbordement), vát man (waitman), ô tô (automobile), sốp phơ/sốp phơ (chauffeur), ô tô buýt/buyt (l'autobus tích kê (ticket), ca pôt (capot), cam không (camion), ca nô (canot), ca bin (cabinet)...

TỪ MƯỢN TIẾNG PHÁP TRONG HỆ THỐNG TỪ VỰNG ẨM THỰC TIẾNG VIỆT

Cùng với quá trình đô hộ của Pháp tại Việt Nam, văn hóa phương tây, đặc biệt là văn hóa Pháp đánh dấu tầm ảnh hưởng mạnh mẽ lên văn hóa Việt, trong đó có văn hóa ẩm thực. Người Pháp mang đến Việt Nam phong cách ẩm thực đặc trưng với bơ (beurre), phô-mát (fromage), bia (bière), rượu vang (vin)... Ẩm thực Việt Nam bên cạnh những giá trị truyền thống được làm phong phú thêm với những vật liệu mới, công thức và phong cách mới. Người ta bắt đầu ăn bánh mì bên cạnh cơm trong bữa chính, thưởng thức bữa ăn tại nhà hàng bên cạnh những bữa cơm cùng gia đình.

Ảnh hưởng của văn hóa ẩm thực dẫn tới sự có mặt của một loạt từ mới trong hệ thống tiếng Việt. Từ điển ẩm thực tiếng Việt ghi nhận thêm nhiều từ mới như cà phê, ca cao, ác ti số, ba tê, bích quy, kem.... Trải qua thời gian dài, nhiều từ được đồng hóa để trở thành một phần trong hệ thống từ vựng ẩm thực tiếng Việt. Chúng tôi xin thống kê một số từ mượn tiếng Pháp trong lĩnh vực ẩm thực:

Bảng 1: Từ mượn tiếng Pháp trong hệ thống từ vựng ẩm thực Việt Nam

| Từ mượn | Từ gốc | Từ mượn | Từ gốc |
|--|---------------------------------|---|--|
| A-ti-sô/ác-ti-sô | artichaut | La-cốt (trứng gà la-cốt) | oeufs à la coque |
| Bánh | pain | mùi-xoa/mu-soa (khăn mùi-xoa) | mouchoir |
| Ba-tê/pa-tê | pâté | Mù-tạt/mù-tạt | moutarde |
| Bia | bière | nui | nouvelle |
| Bích-quy, bít-quy, bánh quy | biscuit | Ô-liu | olive |
| Bít-tết/bít-tết | bifteck | Ớp-la (trứng Ớp-la) | au plat |
| Boa | pourboire | Ớp-lết (trứng Ớp-lết) | omelette |
| Boóc-đô | Bordeaux | Pa-tê-sô/ba-tê-sô (bánh pa-tê-sô) | pâté chaud |
| Bơ | beurre | Phốc-sét (phoóc-sét) | fourchette |
| Búp (ăn) | bouffe | Pho-mát | fromage |
| Búp-phê | buffet | Ra-gu (la-gu) | ragoût |
| Ca-cao | cacao | Sâm-banh | champagne |
| Cà-phê | café | Sô-cô-la | chocolat |
| Cà-rem (kem) | crème | Sơ-ri (quả sơ-ri) | cerise |
| Cà-ri | cari | Su-hào | chou-rave |
| Cà-rốt | carotte | Súp | soupe |
| (cải) Xoong | cresson | Súp-lơ | chou-fleur |
| Cờ-rem (cây cờ-rem) | crème | Su-su (miền Bắc), su-le (miền Trung) | chouchou (vùng Réunion, Île Maurice), chouchoute (vùng Nouvelle-Calédonie) |
| Cô-ve | haricot vert | Tô-mát (cà tô-mát) | tomate |
| Cô-nhắc | cognac | Vang (ruợu vang) | vin |
| Cốt-lết | côtelette | Xà-lách/xà-lát | salade |
| Cùi đĩa | cuillier | Xi-rô | syrop |
| Da-ua | yaourt/ yoghurt | Xốt | saucis |
| Gạc-mãng-đê/ Gác-mãng- đê, gác-đờ-mãng-đê | garde-manger/ garde à manger | Xốt vang (sốt vang) | saucis à vin |
| Gà-mèn/gà-men/ga-men | gabelle | Xúc-xích | saucisse |
| (bánh) Ga-tô | gâteau | Xu-kem/su-kem | chou à la crème |
| Giăm-bông | jambon | Xà-lách/xà-lát | salade |

SỰ ĐỒNG HÓA TỪ MƯỢN TIẾNG PHÁP TRONG HỆ THỐNG TỪ VỰNG ẨM THỰC TIẾNG VIỆT

Một từ mượn, nếu không bị thay thế bằng một từ tương ứng của bản ngữ sẽ trải qua một quá trình dài dưới tác động của con người để có một vị trí vững chắc, được gọi là quá trình đồng hóa. Từ mượn Pháp cũng trải qua một quá trình như vậy để trở nên quen thuộc và dễ sử dụng hơn với người Việt. Chúng tôi phân loại 3 dạng đồng hóa từ mượn chính: Đồng hóa ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa.

Đồng hóa ngữ âm

Đồng hóa ngữ âm được coi là phổ biến nhất trong 3 dạng đồng hóa, điều này được giải thích đơn giản bởi thực tế tiếng Việt và tiếng Pháp có sự khác biệt lớn trong cấu trúc ngữ âm và chữ viết. Một số âm vị tiếng Pháp không có trong tiếng Việt gây khó khăn trong phát âm như phụ âm cuối /p/, âm tắc /b/, /d/, /g/ hoặc âm xát /s/, /z/. Để giải quyết những khó khăn này, từ mượn được điều chỉnh để dễ phát âm hơn, dưới đây là những cách chính:

Đồng hóa phụ âm

Phụ âm đầu: Phụ âm đầu /p/ không có trong tiếng Việt được chuyển thành /b/ khi đồng hóa: *ba-tê* (paté), *sâm-banh* (champagne).

Phụ âm cuối: Tiếng Việt có 8 âm cuối, trong đó có 6 phụ âm: /m/, /n/, /ŋ/, /p/, /t/, /k/ và 2 bán phụ âm /-w/, /-j/, ở vị trí này không có phụ âm tắc (/b/, /d/, /g/) và cả phụ âm xát (/s/, /z/). Những phụ âm này được chuyển qua các dạng:

Phụ âm /d/ → /t/: *salade* → *xa-lát*, *moutard* → mù tạt

phụ âm /s/ → /t/: *biscuit* → *bít-quy* (bích quy), *sauce* → xốt

phụ âm /l/ → /n/: *alcool* → *an-côn*, *gabelle* → *gà-men*.

Một số phụ âm cuối tiêu biểu: *beurre* → bơ, *chou-fleur* → súp - lơ, *mouchoir* → mùi xoa, *cerise* → xo-ri, *champagne* → sâm-banh, *nouille* → nui.

Phụ âm kép:

Bớt phụ âm: Một trong 2 phụ âm bị tiêu biến để phù hợp với đặc điểm phát âm của người Việt, ví dụ: Phụ âm /r/ tiêu biến trong *br. fr. cr. tr.*: *crème* → kem, *fromage* → pho mát.

Chuyển phụ âm kép thành 2 phụ âm đơn:

+ Thêm âm tiết: /r/ sau /c/: *Crème* → *cờ rem*

+ Chia đôi âm tiết, biến thành một phụ âm cuối đối với từ ghép đa âm tiết: *oeuf au plat* → (trúng) *ốp-la*, *chou-fleur* → *súp lơ*.

Đồng hóa nguyên âm

Âm tròn: Những nguyên âm /y/, /œ/, /ø/ không có trong hệ thống âm tiếng Việt được điều chỉnh phù hợp bằng cách thay thế bởi các âm gần giống:

/y/ → /u/: *buffet* → *búp-phê*

/œ/ → /e/: *beurre* → bơ, *chou-fleur* → súp-lơ

Âm mũi: Trường hợp này tương tự âm tròn khi âm mũi không có trong hệ thống âm tiếng Việt:

/ɔ̃/ → /oŋ/: *jambon* → *giăm-bông*

/ɛ̃/ → /ɛŋ/: *vin* → vang

Việt hóa âm vị với thanh điệu

Tiếng Việt được coi là ngôn ngữ của sự mềm mại với sự đa dạng về thanh điệu. Bên cạnh việc sử dụng những từ vay mượn nguyên gốc từ tiếng Pháp, người Việt đã thêm thanh điệu vào một số từ để dễ sử dụng hơn:

Thêm thanh huyền: /-y/ vào âm mở: *carotte* → cà-rốt, *café* → cà-phê, *salade* → xà-lách, *gabelle* → gà-men, *cari* → cà-ri...

Thêm thanh sắc /-j/ vào âm kết thúc bằng phụ âm /p/, /t/, /k/: *saucisse* → *xúc xích*; *tomate* → *tô-mát*, *salade* → *xa-lát* (xà-lách), *soupe* → *xúp* (súp), *bifteck* → *bít-tết*...

Cắt ngắn từ

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, các từ được đọc riêng biệt, phần lớn các từ mượn đều được cắt ngắn khi sử dụng: *omelette* → *ốp-lê*, *pourboire* → *boa*.

Đồng hóa ngữ pháp

Đồng hóa ngữ pháp có thể được giải thích là sự thay đổi từ loại hoặc cấu trúc ngữ pháp của nhóm từ mượn khi du nhập vào một hệ thống ngôn ngữ mới.

Thay đổi từ loại

Từ mượn trong lĩnh vực ẩm thực đa phần là danh từ, tuy nhiên cũng có sự thay đổi từ loại để tạo nên những nghĩa mới:

Pourboire → (tiền) *boa* (danh từ) / *boa* (động từ)

Beurre → bơ (danh từ) / *bơ* (động từ: = *phốt-lô*)

Thay đổi cấu trúc cú pháp

Cùng với sự thay đổi từ loại, cấu trúc cú pháp cũng có thể thay đổi: một nhóm từ tiếng Pháp được chuyển thành một từ ghép: *Au plat* → *ốp-la*, *garde-manger/ garde à manger* → *gà-măng-dê*, *oeufs à la coque* → *la-cốt* (trứng-gà la-cốt), *chou à la crème* → *xu-kem*, *chou-fleur* → *su hào*, *sauce à vin* → *xốt vang*...

Đồng hóa ngữ nghĩa

Từ mượn tiếng Pháp, bên cạnh quá trình đồng hóa về ngữ âm và ngữ pháp còn được đồng hóa về ngữ nghĩa. Nói một cách tổng quát, trong quá trình sử dụng và chọn lọc tự nhiên, những nghĩa ít dùng sẽ tiêu biến, cùng với đó là sự sinh ra của những nghĩa mới, đồng nghĩa với việc từ mượn không còn mang ý nghĩa ban đầu.

Tiêu biến nghĩa:

Một từ có thể mang nhiều nghĩa khác nhau, nhưng khi từ được du nhập vào một ngôn ngữ khác, người sử dụng có thể chỉ dùng một vài nghĩa thông dụng nhất, những nghĩa ít dùng sẽ tiêu biến qua thời gian:

Bảng 2: Sự tiêu biến nghĩa trong quá trình đồng hóa từ mượn

| Từ mượn | Nghĩa gốc | Nghĩa sau đồng hóa |
|------------------|---|--|
| Gâteau (ga-tô) | - Loại bánh được chế biến bằng cách trộn bột, đường, trứng, bơ, sau khi nướng chín được phết kem bên ngoài - Bánh (nói chung) - Thường vụ có lợi - Lãi - Tầng ong - Miếng sạp hoặc đất (đùng trong điệu khác). | Loại bánh dùng trong sinh nhật |
| Sauce (xốt) | - Dung dịch hoặc hỗn hợp dạng lỏng, sệt, gồm muối, gia vị và thảo mộc. - Cách trình bày, diễn thuyết - Rượu tạo màu cho vàng - Bút chì than dùng trong hội họa - Phụ, cái được thêm vào | Dung dịch hoặc hỗn hợp dạng lỏng, sệt, gồm muối, gia vị và thảo mộc. |
| Gamelle (ga-men) | - Tô nhỏ bằng thép trắng, dùng cho bộ đội hoặc thủy thủ - Bát ăn cho vật nuôi - Bàn ăn chung của thủy thủ - Máy chiếu, đèn chiếu trong rạp hát - Tô đựng khẩu phần ăn chung (quân sự) | Tô nhỏ bằng thép trắng, dùng cho bộ đội hoặc thủy thủ |

Phát sinh nghĩa:

Trong quá trình sử dụng từ mượn, một số nghĩa mới được sinh ra, với từ mượn âm thực, thường là về màu sắc:

Bảng 3: Sự phát sinh nghĩa trong quá trình đồng hóa từ mượn

| Từ mượn | Nghĩa gốc | Nghĩa phát sinh |
|---------------------|--|--|
| Bordeaux (Boóc-đô) | Thủ phủ của vùng hành chính Aquitaine thuộc tây nam nước Pháp | - rượu Boóc-đô - màu gần giống đỏ (đỏ Boóc-đô/ đỏ đô) |
| Café (cà phê) | - Hạt của cây cà phê, hoặc bột được tạo ra bởi hạt cà phê rang và nghiền - Thức uống, thường được uống nóng, có màu nâu đen, được pha chế từ bột cà phê - Nơi công cộng, nơi bán đồ uống (thường không có cồn) | màu cà phê |
| Chocolat (sô cô la) | - Hỗn hợp dạng cứng/đéo được tạo ra bằng cách trộn lẫn ca cao với đường, sữa và bơ ca cao. - Thức uống được pha bởi hỗn hợp trên. | màu sô cô la |
| Carotte (cà rốt) | - Cây trồng lấy củ thuộc họ umbellifères, củ giòn và ngọt, sử dụng làm thức ăn. - Phần rễ của cây cà rốt (củ cà rốt). | màu cà rốt (đỏ cà-rốt) |
| Soupe (súp/xúp) | - Món ăn gồm bánh mỳ và hỗn hợp dạng sệt gồm thịt và rau củ được hầm kỹ - Loại hỗn hợp dạng sệt để chấm bánh mỳ hoặc ăn riêng vào đầu bữa ăn. | hỗn hợp gia vị gồm muối, bột ngọt, hạt tiêu... |

KẾT LUẬN

« La vie change toujours, la langue aussi » - Cuộc sống luôn thay đổi, ngôn ngữ cũng vậy. Tiếng Việt trong suốt quá trình hình thành và phát triển cũng biến đổi không ngừng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp ngày một đa dạng của người Việt. Việc vay mượn vốn từ từ những ngôn ngữ khác là một phần trong sự biến đổi đó.

Từ mượn tiếng Pháp nói chung cũng như từ mượn âm thực nói riêng đóng vai trò rất quan trọng trong việc làm giàu ngôn ngữ Việt. Qua thời gian đồng hóa, một số từ được thay thế bằng từ thuần Việt như cà chua thay vì tô mát, nĩa (đĩa) thay cho phước-sét, khăn tay thay cho mùi-soa... nhưng đa phần đã khẳng định được vị trí vững chắc của mình. Ngày nay,

đôi khi chúng ta không còn nhận ra những từ như cà phê, bơ, kem, cà rốt... được bắt nguồn từ tiếng Pháp. Những từ này đã trở thành một phần không thể thiếu trong hệ thống từ vựng tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Duong Cong Minh (2007): *Cours de lexicologie francais*, Université de Hanoi.
2. Christiane Loubier, (2011) *De l'usage de l'emprunt linguistique*, Montréal, Office québécois de la langue française

3. Mai Ngọc Chừ (1997): *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Lê Nguyễn Lưu (2002): *Từ chữ Hán đến chữ Nôm*, Nxb Thuận Hóa, tr 202-210.
5. Phan Thị Tình (2011): *Sự đồng hóa từ mượn tiếng Pháp trong tiếng Việt* – Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. *Tiếng Việt*:
https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t

SUMMARY

LOAN WORDS AND ASSIMILATION OF FRENCH WORDS IN VIETNAMESE VOCABULARY OF CUISINE

Dang Quang Huy*, Nguyen Thi Thuy
School of Foreign Languages - TNU

The importance of loan words in a variety of languages has been recognized. Borrowing words from other languages helps enrich a language and serves human communication. This article investigates this interesting linguistic phenomenon in a particular aspect which is studying loan words and the assimilation of French words in Vietnamese vocabulary of cuisine.

Keywords: *Loan word(s), assimilation, french, vocabulary, cuisine.*

Ngày nhận bài: 14/12/2015; Ngày phản biên: 13/01/2016; Ngày duyệt đăng: 15/6/2016
Phản biên khoa học: TS. Hoàng Thu Nga – Khoa Ngoại ngữ – ĐHTN

* Tel. 0913 954474, Email huydang.sfl@tnu.edu.vn